TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02- 2023
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Đông;

2. Bà Đậu Thị Phú.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà: Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt (có đơn xin xét vử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4 /2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/8/1999. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu tính nhau, không có sự tin tưởng và tôn trọng vì vậy vợ chồng thường xuyên xung đột. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị mong muốn được ly hôn với anh Nguyễn Văn T để ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống giữa chị và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung, là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 07/5/2002 và Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 23/01/2004. Hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành và tự lo cho bản thân vì vậy sau khi ly hôn các cháu muốn ở với ai là quyền của của các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T tự thỏa T phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm nội dung trong đơn khởi kiện.

Ngày 21/6/2022 tại biên bản xác minh của Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã nhận được các văn bản của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải và giấy triệu tập của Tòa tuy nhiên do công việc nên không đến Tòa để giải quyết vụ việc. Tại bản xác minh minh anh T thống nhất với chị T về quá trình kết hôn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị T đi vào miền Nam làm ăn đã lâu không về nhà dẫn đến vợ chồng không có tình cảm. Tuy nhiên anh thấy mâu thuẫn vợ chồng vẫn chưa đến mức phải ly hôn nên anh mong muốn chị T quay về chung sống và cùng nuôi dạy các con chung.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. Về tình cảm xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; về con chung không đề nghị xem xét; về tài sản và nợ chung không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, đây là tranh chấp về ly hôn. Anh T có hộ khẩu thường trú tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị T và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với anh T vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T cương quyết xin được ly hôn với anh T. Do vậy, việc chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T là có cơ sở, nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T.

[3] Quan hệ con chung: Xét thấy hiện tại con chung của vợ chồng đã đủ tuổi trưởng thành, tự nuôi sống bản thân nên không xem xét.

[4] Quan hệ tài sản và nợ chung: Chị T và anh T tự thỏa T phân chia tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

3. Về quan hệ con chung: Không xem xét

4. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002047, ngày 22/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Bình để sung vào công quỹ Nhà nước. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/02/2023 (đối với những người có mặt tại phiên tòa) và trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.